

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ 2011-2015: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

LÊ TẮT CHIẾN

Cục Sở hữu trí tuệ

Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (TSTT) giai đoạn 2011-2015 được phê duyệt theo Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 6.12.2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được của Chương trình trong giai đoạn 2005-2010 và bổ sung một số nội dung cho phù hợp với định hướng, yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) giai đoạn 2011-2015. Chương trình được thực hiện nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT); góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh cho các sản phẩm, dịch vụ của Việt Nam. Mặc dù mới đi qua hơn nửa chặng đường, nhưng Chương trình đã có những tác động tích cực, tạo ra giá trị gia tăng và hiệu quả đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước...

Góp phần đưa hoạt động SHTT tới mọi miền Tổ quốc, xã hội hóa công tác đầu tư cho hoạt động bảo hộ và phát triển TSTT

SHTT là lĩnh vực đặc thù và hoạt động SHTT thường phát sinh từ các hoạt động sáng tạo, gắn liền với các kết quả nghiên cứu khoa học và hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do đó, hoạt động SHTT hầu như chỉ thực sự sôi động ở các tỉnh/thành phố lớn, các trung tâm KH&CN, công nghiệp và thương mại phát triển.

Chương trình hỗ trợ phát triển TSTT được triển khai đã mở ra một hướng đi phù hợp, giải quyết được phần nào vướng mắc về phương thức tổ chức hoạt động SHTT tại các địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Thông qua các dự án tuyên truyền về SHTT trên đài truyền hình, báo chí, đặc biệt là thông qua các dự án hỗ trợ xác lập quyền SHTT đối với các sản phẩm đặc thù địa phương, có thể thấy, hoạt động SHTT đã và đang có mặt trên khắp mọi miền

Tổ quốc. Từ địa bàn huyện Trùng Khánh xa xôi của tỉnh Cao Bằng với sản phẩm hạt dẻ; Mường Ảng (Điện Biên) gắn liền với sản phẩm cà phê; huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) nơi sản sinh ra sản phẩm tỏi nổi tiếng; đỉnh Ngọc Linh của 2 tỉnh Kon Tum và Quảng Nam, nơi sản phẩm sâm quý hiếm ẩn mình, hay tận cùng đất mũi Cà Mau với dự án nhãn hiệu chứng nhận cho mặt hàng thủy sản đặc trưng của cư dân miền sông nước...

Thống kê cho thấy, 61/63 địa phương có dự án được hỗ trợ từ Chương trình và tất cả các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương đã tham gia các hoạt động chung của Chương trình (hội nghị, hội thảo, tập huấn, đề xuất dự án). Bên cạnh đó, Chương trình đã góp phần kích thích sự đầu tư của xã hội và chính quyền các địa phương về hoạt động xác lập, quản lý và phát triển TSTT. Qua báo cáo của các Sở KH&CN, tính đến nay, từ mô hình của Chương trình, có 28 tỉnh/thành phố đã phê duyệt và thực hiện các chương trình riêng,

sử dụng nguồn kinh phí địa phương và kinh phí tự huy động khác để xây dựng và phát triển TSTT cho các sản phẩm, dịch vụ của mình, như: Bến Tre, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cần Thơ, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh...

Nâng cao nhận thức, thúc đẩy hoạt động sáng tạo và SHTT

Chương trình đã có tác động rất lớn trong việc nâng cao nhận thức của xã hội và cộng đồng về SHTT. Các dự án tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT đã được triển khai, duy trì thường xuyên, liên tục và có chiều sâu trên các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp, ngành và toàn xã hội về SHTT. Cụ thể như:

- Chương trình "Sáng tạo Việt" do Công ty Cổ phần truyền thông Trường Thành phối hợp với Cục Phát triển Thị trường và Doanh nghiệp KH&CN thực hiện được phát sóng trên kênh VTV3 Đài truyền hình Việt Nam từ ngày 15.1.2012. Đến nay, sau 2 năm phát sóng,

“Sáng tạo Việt” được coi là sự đột phá về công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về KH&CN và SHTT. Chương trình đã trở thành diễn đàn kết nối tác giả sáng chế với các nhà doanh nghiệp, nhà đầu tư, từ đó góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động sáng tạo, thúc đẩy phát triển ứng dụng TSTT, qua đó, có những đóng góp thiết thực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Dự án “Nữ trí thức với hoạt động sáng tạo” là một Chương trình tọa đàm truyền hình, phát trên sóng VTC đã tập hợp và tôn vinh các nữ trí thức tiêu biểu của Việt Nam, góp phần thực hiện chính sách bình đẳng giới trong khoa học, tạo động lực cho các nữ trí thức tiếp tục tham gia các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo.

- Từ kết quả của dự án “Chương trình Chắp cánh thương hiệu” phát trên VTV3 Đài truyền hình Việt Nam trong giai đoạn 2007-2009, Chương trình đã nhân rộng mô hình này thông qua việc phê duyệt cho triển khai các dự án tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT trên các đài truyền hình địa phương. Tính đến hết tháng 8.2013, Chương trình hỗ trợ phát triển TSTT giai đoạn 2011-2015 đã hỗ trợ triển khai 78 lượt dự án tuyên truyền về SHTT trên các đài truyền hình của 49 địa phương, theo đó, có khoảng 2.280 số phát sóng nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT trên đài truyền hình các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. Đây là một kênh truyền tải và phương thức tuyên truyền rất hữu hiệu, đưa SHTT đến mọi miền của Tổ quốc, mọi đối tượng, ngành nghề.

Góp phần tăng số đơn đăng ký sở hữu công nghiệp của người Việt Nam

Kể từ khi Chương trình được triển



khai, số lượng đơn đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp của các tổ chức, cá nhân Việt Nam được nộp vào Cục SHTT và số văn bằng bảo hộ (VBBH) được cấp tăng đáng kể (bảng 1).

sống năm 2011-2012 thì năm 2012 đã có 55 đơn vị xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tăng gấp 3 lần so với năm 2011 và 5 lần so với giai đoạn 2009-2010.

Bảng 1: số lượng đơn và VBBH sở hữu công nghiệp các năm 2011 và 2012

STT	Đối tượng sở hữu công nghiệp	Năm 2011		Năm 2012	
		Số đơn	Số VBBH	Số đơn	Số VBBH
1	Sáng chế	301	40	382	45
2	Giải pháp hữu ích	193	46	198	59
3	Kiểu dáng công nghiệp	1.200	807	1.349	681
4	Nhãn hiệu	21.402	15.502	22.838	14.976

Số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, đặc biệt là đơn đăng ký nhãn hiệu của nhiều địa phương sau khi có chương trình truyền hình về SHTT phát sóng đã tăng một cách rõ rệt, như Thái Nguyên năm 2009 chỉ có 32 đơn đăng ký nhãn hiệu, năm 2012 đã tăng lên đến 60 đơn; Quảng Ninh năm 2009 có 95 đơn đăng ký nhãn hiệu, năm 2012 đã tăng lên đến 120 đơn; một tỉnh mới tách lập như Bình Phước, sau khi có Chương trình SHTT và cuộc

Huy động sự tham gia của đông đảo các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp

Thông qua các dự án của Chương trình, đã có gần 50 tổ chức tập thể được thành lập dưới hình thức Hội/Hiệp hội các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm. Đây được coi là sự tập hợp sức mạnh, huy động nguồn lực của xã hội để cùng phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần vào việc thực hiện chính sách phát triển cánh

đồng mẫu lớn, xây dựng nông thôn mới của Đảng và Chính phủ.

Một số tổ chức tập thể đã được thành lập như Hội sản xuất và kinh doanh nước mắm Phú Quốc, buổi Đoàn Hùng, hồi Lạng Sơn, chè Shan tuyết Mộc Châu, chè Tân Cương, vải thiều Thanh Hà, cà phê Buôn Ma Thuột, hoa Đà Lạt... Hiệp hội sản xuất và thương mại nếp cái hoa vàng Kinh Môn - Hải Dương, sau một năm triển khai dự án, số lượng hội viên tăng từ 253 lên 363; Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột qua gần 2 năm thành lập, đã có 102 hội viên, trong đó có 56 tập thể nhóm, 4 liên kết nhóm và còn lại là các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp lớn như Công ty Trung Nguyên, Công ty TNHH một thành viên 2.9 Đắk Lắk hiện nay đã là thành viên của Hội cà phê Buôn Ma Thuột; Hội sản xuất và kinh doanh su su Sa Pa, khi thành lập năm 2011 mới chỉ có 20 hội viên, nhận thấy lợi ích và hiệu quả của việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể su su Sa Pa, thì đến cuối năm 2012 số thành viên đã là 50, chiếm 80% số hộ trồng và kinh doanh su su của huyện...

Nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội

Các sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT khi đưa ra thị trường đòi hỏi phải được kiểm tra, quản lý chất lượng và đáp ứng các tiêu chuẩn về mẫu mã, tem nhãn theo quy trình nghiêm ngặt. Ví dụ, sản phẩm nước mắm Phú Quốc đã được quản lý chặt chẽ hơn để bảo đảm chất lượng đặc thù, vì sản phẩm hiện nay chỉ được sản xuất và đóng chai tại huyện đảo Phú Quốc (chấm dứt tình trạng đưa sản phẩm về TP Hồ Chí Minh đóng chai); đối với sản phẩm chè Mộc Châu, Công ty chè Mộc Châu đã

thành lập đội bảo vệ thực vật độc lập, bộ phận này chịu trách nhiệm việc phun thuốc theo đúng liều lượng, chủng loại và thời gian, vì vậy, sản phẩm xuất khẩu cũng như lưu thông trong nước của Công ty chưa bao giờ bị khách hàng trả lại hoặc có ý kiến về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; với sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuột, Công ty TNHH một thành viên 2.9 Đắk Lắk đã và đang cố gắng thỏa thuận với tất cả các nhà rang xay cà phê lớn của thế giới để gắn logo chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột nổi tiếng của Việt Nam vào bao bì cà phê xuất khẩu.

Qua khảo sát thực địa của các hội đồng nghiệm thu một số dự án trong các năm 2012-2013 và qua báo cáo của một số đơn vị sản xuất - kinh doanh sản phẩm và địa phương cho thấy: giá bán cam Vinh đã tăng lên hơn 50% sau khi chỉ dẫn địa lý được đăng bạ và quản lý; giá bán các sản phẩm chè Mộc Châu có bao bì mang chỉ dẫn địa lý cao hơn từ 1,7-2 lần sản phẩm cùng loại không có bao bì; sản phẩm chè Tân Cương có bao bì mang chỉ dẫn địa lý có giá bán cao hơn khoảng 1,5 lần sản phẩm cùng loại không có bao bì mang chỉ dẫn địa lý. Đặc biệt, hệ thống tem nhãn mang chỉ dẫn địa lý đã được Công ty chè Hoàng Bình (một công ty chè lớn của tỉnh Thái Nguyên) sử dụng rất hiệu quả; sản phẩm gạo nếp cái hoa vàng Kinh Môn - Hải Dương khi đóng bao bì mang nhãn hiệu tập thể đã được bán với giá 27.000 đồng/kg, trong khi gạo cùng loại không được đóng bao bì mang nhãn hiệu tập thể chỉ bán được với giá 22.000 đồng/kg; sản phẩm su su Sa Pa sau khi được bảo hộ đã được các doanh nghiệp Trung Quốc yêu cầu đóng bao bì và gắn logo nhãn hiệu tập thể trước khi xuất khẩu, đây là tín hiệu tích cực vì từ trước đến nay, khách hàng Trung Quốc hầu như

chỉ nhập khẩu sản phẩm thô, không cần nhãn mác...

Là công cụ và các căn cứ khoa học để định hướng người tiêu dùng sử dụng sản phẩm bảo đảm chất lượng

Đối với một số sản phẩm, quá trình xác lập quyền SHTT đòi hỏi phải xây dựng được cơ sở khoa học về tiêu chí chất lượng và xuất xứ sản phẩm, việc quản lý quyền SHTT phải thông qua các quy trình kiểm tra, đánh giá theo tiêu chí được bảo hộ. Qua đó, sẽ giúp người tiêu dùng chủ động phân biệt được sản phẩm đáp ứng và không đáp ứng chất lượng và nguồn gốc xuất xứ từ việc bảo hộ và quản lý quyền SHTT.

Đưa các kết quả nghiên cứu, sáng chế vào thực tiễn đời sống, phục vụ lợi ích dân sinh

Qua gần 3 năm thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển TSTT, đã có 11 dự án áp dụng sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học được phê duyệt cho triển khai. Theo đó, đã góp phần vào việc thực hiện chủ trương của Bộ KH&CN về tăng cường các giải pháp áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn đời sống xã hội.

Ngoài ra, Chương trình còn tạo động lực cho các địa phương và xã hội huy động các nguồn lực để xây dựng và phát triển TSTT dùng cho các sản phẩm, dịch vụ đặc thù của mình. Với 212 dự án đã được Chương trình hỗ trợ cho triển khai, tổng kinh phí được các địa phương, doanh nghiệp đối ứng để thực hiện là hơn 127 tỷ đồng. Đây là một nguồn lực đáng kể, góp phần cùng với sự đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ■